

cấp giáo dục trung học cơ sở (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo quốc gia), bao gồm:

1. Trưởng ban: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Phó Trưởng ban: Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các ủy viên là đại diện của các cơ quan:

- Ủy ban Giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội,

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

- Bộ Tài chính,

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

- Bộ Quốc phòng,

- Ủy ban Dân tộc và Miền núi,

- Ban Khoa giáo Trung ương,

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

- Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

- Hội Khuyến học Việt Nam.

Điều 2. Ban Chỉ đạo quốc gia có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ xây dựng và chỉ đạo triển khai kế hoạch thực hiện các mục tiêu phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Điều 3. Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia thống nhất với các cơ quan có liên quan được nêu tại Điều 1 để quyết định cụ thể danh sách các thành viên của Ban Chỉ đạo và thành lập Ban thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo quốc gia; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Ban Chỉ đạo ở địa phương.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 28/1999/QĐ-TTg ngày 23 tháng 2 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các đoàn thể và các tổ chức nhân dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN MẠNH CẨM

QUY CHẾ Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài

(ban hành kèm theo Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này điều chỉnh mọi hoạt động thu hút, quản lý sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Viện trợ phi Chính phủ nước ngoài đề cập trong Quy chế này được hiểu là viện trợ không hoàn lại và trợ giúp không vì mục đích lợi nhuận của các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, các tổ chức khác và cá nhân người nước ngoài, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là Bên tài trợ) hỗ trợ cho các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức nhân dân (bao gồm các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và một số tổ chức khác) của Việt Nam (sau đây gọi tắt là Bên Việt Nam) thực hiện các mục tiêu nhân đạo và phát triển dành cho Việt Nam.

Viện trợ phi Chính phủ nước ngoài bao gồm các hình thức chủ yếu sau đây:

- Viện trợ thông qua các chương trình, dự án.
- Viện trợ phi dự án (bao gồm cả khoản cứu trợ khẩn cấp).

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chương trình” là một tập hợp các dự án liên quan đến nhau, liên quan đến nhiều ngành kinh tế kỹ thuật, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau, cần được thực hiện thông qua phương pháp tiếp cận liên ngành, thời hạn thực hiện tương đối dài và phương tiện để thực hiện cần được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, theo nhiều phương thức khác nhau.

2. “Dự án” là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau nhằm đạt một hoặc một số mục tiêu cụ thể được thực hiện trong một thời hạn nhất định, dựa trên những nguồn lực xác định.

3. “Thỏa thuận về viện trợ phi Chính phủ nước ngoài” là văn bản ghi nhận ý định ban đầu (không ràng buộc về pháp lý) về các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài giữa đại diện của Bên Việt Nam và Bên tài trợ.

4. “Văn kiện chương trình, dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài” là tài liệu chính thức thể hiện cam kết giữa đại diện của Bên Việt Nam và đại diện của Bên tài trợ về một chương trình hoặc một dự án cụ thể, trong đó xác định rõ: mục tiêu, các hoạt động, các kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời hạn và kế hoạch thực hiện, nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của các bên có liên quan.

5. “Viện trợ phi dự án” là các khoản viện trợ không thuộc chương trình, dự án, cung cấp viện trợ dưới dạng hiện vật (hàng hóa, vật tư, thiết bị), tiền mặt hoặc chuyên gia (kể cả chuyên gia

tình nguyện) cho các mục đích nhân đạo, từ thiện (sau đây gọi chung là nhân đạo).

6. “Cứu trợ khẩn cấp”: là khoản viện trợ thuộc viện trợ phi dự án được thực hiện khẩn trương ngay sau khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hoặc các tai họa khác) và kéo dài tối đa là 2 tháng sau khi các trường hợp khẩn cấp chấm dứt. Sau thời hạn trên, nếu khoản cứu trợ này vẫn được tiếp tục thì được coi là viện trợ khác phục hậu quả sau khẩn cấp.

Điều 3. Viện trợ phi Chính phủ nước ngoài được sử dụng để thực hiện các mục tiêu nhân đạo và hỗ trợ thực hiện các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong từng thời kỳ.

Chương II

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN, PHÊ DUYỆT VÀ KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ

Điều 4. Công tác vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài được tiến hành thường xuyên, theo định hướng và có tổ chức:

1. Việc vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài cho các chương trình, dự án được thực hiện trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, chương trình đầu tư công cộng, quy hoạch và kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ bên ngoài của Nhà nước hoặc từng ngành, địa phương trong từng thời kỳ; năng lực tiếp nhận (kể cả nguồn vốn đối ứng)...

2. Việc vận động viện trợ cho các mục đích nhân đạo phải căn cứ vào tình hình xã hội và nhu cầu thực tế của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức nhân dân trong từng năm hoặc từng thời kỳ.

3. Việc vận động cứu trợ khẩn cấp phải căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể về người, tài sản, công trình,... đối với từng vùng, địa phương bị

thiên tai hoặc tai họa khác. Bộ Ngoại giao phối hợp với các cơ quan liên quan xem xét trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức độ kêu gọi viện trợ khẩn cấp với cộng đồng quốc tế (trong đó có Bên tài trợ quy định trong Quy chế này).

Điều 5. Cơ sở để đàm phán và ký kết viện trợ phi Chính phủ nước ngoài:

1. Đối với các khoản viện trợ cho các chương trình, dự án, cần phải có văn kiện chương trình, dự án. Nếu thời gian thực hiện trên 1 năm thì phải xây dựng kế hoạch hoạt động và dự kiến nguồn kinh phí cần thiết cho từng năm, cũng như xác định rõ nguồn kinh phí mà Bên tài trợ đã có sẵn và phần kinh phí cần huy động trong những năm tiếp theo.

2. Đối với các khoản viện trợ phi dự án phải nêu rõ nội dung viện trợ, đối tượng viện trợ và tiếp nhận viện trợ, danh mục cụ thể các hàng viện trợ và ước tính tổng trị giá nếu là viện trợ dưới dạng hiện vật hoặc xác định rõ tổng giá trị viện trợ dưới dạng tiền mặt.

Đối với các khoản cứu trợ khẩn cấp, ngoài những yêu cầu được nêu trên cần nêu rõ mức độ thiệt hại, những nhu cầu thiết yếu trước mắt cần giải quyết ngay trong thời gian xảy ra trường hợp khẩn cấp.

3. Việc ký kết viện trợ phi Chính phủ nước ngoài chỉ thực hiện khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt nêu tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài quy định như sau:

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Các chương trình, dự án sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài có mức vốn từ 500.000 USD trở lên.

b) Mọi chương trình, dự án có nội dung liên quan đến thể chế, chính sách, luật pháp, cải cách hành chính, văn hóa thông tin, tôn giáo, quốc phòng, an ninh.

c) Các khoản viện trợ phi dự án có giá trị từ 200.000 USD trở lên.

d) Các khoản viện trợ phi dự án hỗ trợ các hoạt động có nội dung nêu tại điểm b khoản 1 Điều 6.

e) Các chương trình, dự án và các khoản viện trợ phi dự án có những mặt hàng thuộc diện hạn chế nhập khẩu (ô tô, xe máy, hàng hóa và trang thiết bị đã qua sử dụng và một số loại tân được theo danh mục được quy định) theo quy định của Chính phủ.

g) Các khoản cứu trợ khẩn cấp không có địa chỉ cụ thể (Bên tài trợ không ấn định cứu trợ cho một địa phương cụ thể nào).

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân (hoặc cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đối với các tổ chức không có cơ quan Trung ương) phê duyệt:

a) Các chương trình, dự án có mức vốn dưới 500.000 USD (trừ khoản 1b và khoản 1e Điều 6).

b) Các khoản viện trợ phi dự án có giá trị dưới 200.000 USD (trừ khoản 1d và 1e Điều 6).

c) Mọi khoản cứu trợ khẩn cấp đã có địa chỉ cụ thể.

Điều 7. Việc bán hàng hóa thuộc các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài quy định như sau:

1. Hàng hóa thuộc các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài được các Bên thỏa thuận đưa vào Việt Nam bán để thực hiện các mục tiêu đã đề ra được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đồng thời với việc phê duyệt quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Hàng hóa trên phải được tổ chức bán đấu giá theo quy định tại Nghị định số 86/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế bán đấu giá tài sản.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ

Điều 8. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước mọi nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài từ vận động đến đàm phán và ký kết viện trợ với các Bên tài trợ, theo dõi giám sát quá trình thực hiện và đánh giá kết quả, hiệu quả sử dụng các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Điều 9. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm điều phối và quản lý các chương trình, dự án sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và tổng hợp chung tình hình viện trợ phi Chính phủ nước ngoài theo định kỳ 6 tháng, hàng năm để báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có các nhiệm vụ:

1. Chịu trách nhiệm cùng các cơ quan liên quan hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức nhân dân xây dựng các chương trình, dự án để vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

2. Thẩm định và tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt các chương trình, dự án được quy định tại điểm a, b và e khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

3. Tham gia ý kiến với Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt đối với các khoản viện trợ phi dự án được quy định tại điểm c, d và e khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

4. Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện chương trình, dự án đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách và Nghị định số 87/CP ngày 19 tháng 12 năm 1996 của Chính phủ về việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

5. Phối hợp với Bộ Tài chính, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các cơ quan liên

quan tổ chức việc theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện; tổng hợp, phân tích và đánh giá hiệu quả các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; xử lý những vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền.

6. Phối hợp với Tổng cục Thống kê ban hành biểu mẫu báo cáo đối với các chương trình, dự án.

Điều 10. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm quản lý tài chính nhà nước về viện trợ phi Chính phủ nước ngoài và có trách nhiệm chính trong việc điều phối, quản lý đối với các khoản viện trợ phi dự án. Bộ Tài chính có các nhiệm vụ:

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng chế độ quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài theo thẩm quyền và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm như nêu tại khoản 4 Điều 9 của Quy chế này.

3. Theo dõi, kiểm tra tình hình tiếp nhận, sử dụng, quản lý và thực hiện các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trong phạm vi chuyên môn của ngành.

4. Tổng hợp các khoản viện trợ phi dự án; tổng hợp quyết toán tài chính của mọi khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; tham gia với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung tình hình viện trợ phi Chính phủ nước ngoài theo định kỳ 6 tháng, hàng năm để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Tham gia thẩm định các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tổng hợp ý kiến trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với các khoản viện trợ phi dự án được quy định tại điểm c, d, e và g khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

7. Chịu trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, phân phối sử dụng các khoản cứu trợ khẩn cấp nêu tại điểm g khoản 1 Điều 6 của Quy chế này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

8. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê ban hành biểu mẫu báo cáo về các khoản viện trợ phi dự án.

Điều 11. Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ:

1. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác vận động và tranh thủ viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

2. Phối hợp với Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam trong công tác kêu gọi cứu trợ khẩn cấp như quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

Điều 12. Văn phòng Chính phủ có nhiệm vụ:

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ kiểm tra, đốc thúc việc thực hiện Quy chế này.

2. Tham gia công tác thẩm định và đề xuất kiến nghị về chính sách, cơ chế... đối với các chương trình, dự án; tham gia ý kiến đối với các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 13. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam chịu trách nhiệm chính trong công tác quan hệ và vận động viện trợ đối với Bên tài trợ. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam có nhiệm vụ:

1. Phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan tổ chức vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài trên cơ sở các lĩnh vực, định hướng ưu tiên và chính sách đối ngoại chung.

2. Tham gia thẩm định (chủ yếu là cung cấp thông tin và nhận xét về các mặt hoạt động của Bên tài trợ ...) các chương trình, dự án; tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tham gia theo dõi

hoạt động của các dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

3. Thông báo với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình vận động viện trợ phi Chính phủ nước ngoài 6 tháng và 1 năm để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Phối hợp với Bộ Ngoại giao kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ về chủ trương vận động cứu trợ khẩn cấp.

Điều 14. Bộ Công an có nhiệm vụ:

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam thực hiện các quy định về bảo vệ an ninh trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

2. Tham gia ý kiến với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về các chương trình, dự án và viện trợ phi dự án liên quan đến thể chế, chính sách nhà nước, pháp luật, tôn giáo, quốc phòng, an ninh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 15. Ban Tôn giáo của Chính phủ có nhiệm vụ hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Điều 16. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân có trách nhiệm:

1. Xác định cơ quan, đơn vị trực thuộc có đủ năng lực làm đầu mối và quản lý viện trợ phi Chính phủ nước ngoài phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan và địa phương mình.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc vận động, tranh thủ viện trợ của Bên tài trợ trên cơ sở các lĩnh vực, định hướng ưu tiên trong kế hoạch hàng năm hoặc trong từng thời kỳ của mình và chính sách đối ngoại chung của Nhà nước.

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chuẩn bị nội

dung các chương trình, dự án, các đề xuất viện trợ nhân đạo, gửi các cơ quan quản lý nhà nước nêu tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Quy chế này để làm cơ sở vận động và phê duyệt viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

4. Phối hợp với cơ quan chức năng tìm hiểu và liên hệ với Bên tài trợ.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân phê duyệt các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài theo thẩm quyền được quy định tại Điều 6 của Quy chế này (đối với các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài liên quan đến Bộ, ngành, địa phương nào thì cần phải lấy ý kiến của Bộ, ngành, địa phương đó trước khi phê duyệt), chịu trách nhiệm về việc phê duyệt, bố trí vốn đối ứng và quản lý thực hiện các khoản viện trợ đó. Quyết định phê duyệt các khoản viện trợ này (kèm theo tài liệu, hồ sơ liên quan) gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, trong thời hạn 15 ngày sau khi phê duyệt.

6. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc trong việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài theo đúng các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với Bên tài trợ. Kịp thời phát hiện những sai phạm liên quan đến tôn giáo, an ninh, dân tộc, quy chế quản lý... trong quá trình triển khai công tác tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ nước ngoài để xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo với các cơ quan có liên quan nêu tại Điều 10 đến Điều 15 của Quy chế này.

7. Tổng hợp các báo cáo định kỳ, kết thúc và đột xuất (nếu có) gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê về kết quả thực hiện viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của cơ quan hoặc địa phương mình.

8. Tổng hợp báo cáo kết quả tiếp nhận, phân phối sử dụng các khoản cứu trợ khẩn cấp nêu tại

điểm c khoản 2 Điều 6 của Quy chế này trình Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Chương IV

THỰC HIỆN CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ

Điều 17. Vật tư, hàng hóa, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải nhập khẩu hoặc mua trong nước từ nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt được miễn thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT (nếu có) theo các luật thuế hiện hành.

Điều 18.

1. Không tiếp nhận những hàng hóa (bao gồm vật tư, thiết bị) thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.

2. Đối với những hàng hóa đã qua sử dụng, cơ quan tiếp nhận chỉ thỏa thuận tiếp nhận nếu Bên tài trợ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên tài trợ là hàng hóa đó còn chất lượng 80% trở lên và chỉ thông báo cho Bên tài trợ gửi hàng khi được cấp có thẩm quyền của Việt Nam nêu tại Điều 6 cho phép tiếp nhận.

Điều 19. Trách nhiệm của đơn vị trực tiếp tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài:

1. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, dự án có trách nhiệm soạn thảo văn kiện chương trình, dự án, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

2. Làm rõ nội dung, mục tiêu, giá trị viện trợ, đối tượng thụ hưởng đối với các khoản viện trợ phi dự án, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tiếp nhận, sử dụng.

3. Tiến hành các thủ tục tiếp nhận đối với những hàng hóa đã qua sử dụng nêu tại khoản 2 Điều 18 của Quy chế này.

4. Cùng các cơ quan liên quan phối hợp với Bên tài trợ để tiến hành các công việc chuẩn bị và hỗ trợ cần thiết.

5. Thực hiện các khoản viện trợ như đã thỏa thuận, cam kết với Bên tài trợ và phù hợp với các quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý tài chính, tiền tệ, xây dựng cơ bản, đấu thầu mua sắm và thực hiện đúng hướng dẫn của cơ quan cấp trên nêu tại khoản 6 Điều 16 của Quy chế này.

6. Chuẩn bị báo cáo định kỳ, kết thúc và đột xuất (nếu có) về tình hình tiếp nhận, thực hiện và tài chính các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài của đơn vị mình trình cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp báo cáo với các cơ quan chức năng nêu tại khoản 2 Điều 20 của Quy chế này.

Điều 20. Chế độ báo cáo thực hiện các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài được tiến hành định kỳ 6 tháng, hàng năm và khi kết thúc thực hiện:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và báo cáo tài chính mọi khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

2. Chậm nhất là hai tuần sau khi hết 6 tháng và một tháng sau khi hết năm thực hiện cũng như 3 tháng sau khi kết thúc thực hiện mọi khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài, các báo cáo phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê để theo dõi và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Nội dung báo cáo được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định tại khoản 6 Điều 9 và khoản 8 Điều 10 của Quy chế này.

Điều 21. Kiểm tra, thanh tra việc tiếp nhận sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài:

1. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hàng

năm sẽ do Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính chủ trì thực hiện.

2. Kiểm tra, giám sát đột xuất sẽ do từng cơ quan chức năng liên quan đề xuất và tổ chức thực hiện theo yêu cầu cụ thể.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan Trung ương của các tổ chức nhân dân chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các ngành, các cấp và các đơn vị tiếp nhận và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài đã được nêu trong Quy chế này; tiến hành thanh tra đối với các hành vi có dấu hiệu vi phạm Quy chế này.

Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN MẠNH CẨM

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 65/2001/QĐ-TTg ngày 26/4/2001
về việc thành lập Trường Đại học
Y tế công cộng**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30

tháng 8 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế tại Công văn số 824/TTr-BYT ngày 15 tháng 2 năm 2000, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3211/TCCB ngày 24 tháng 4 năm 2000,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trường Đại học Y tế công cộng trên cơ sở Trường Cán bộ quản lý y tế thuộc Bộ Y tế.

Điều 2. Trường Đại học Y tế công cộng có nhiệm vụ:

- Đào tạo cán bộ y tế trình độ đại học.

- Nghiên cứu khoa học phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Điều 3. Trường Đại học Y tế công cộng trực thuộc Bộ Y tế chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành khác theo chức năng được Chính phủ quy định. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng. Trụ sở của Trường đặt tại Hà Nội.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Hiệu trưởng Trường Cán bộ quản lý y tế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM